

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 38

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020: 550.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã chứng khoán: VVN.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên
Ông Vương Khả Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên
Ông Phạm Hùng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Khả Hải	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Đỗ Chí Nguyễn**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



Số: 358/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 25/8/2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>859.051.778.895</b>	<b>841.333.505.357</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>17.757.655.217</b>	<b>43.646.024.251</b>
1. Tiền	111		17.757.655.217	43.646.024.251
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>1.400.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	1.400.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>719.426.681.777</b>	<b>697.489.183.427</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	179.952.682.753	208.257.380.111
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	97.196.862.026	99.872.369.637
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	524.901.731.739	471.995.452.920
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(82.624.594.741)	(82.636.019.241)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>113.412.931.660</b>	<b>89.283.204.630</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	125.555.541.221	101.425.814.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.142.609.561)	(12.142.609.561)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.454.510.241</b>	<b>9.515.093.049</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.826.377.109	6.239.000.943
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	3.628.133.132	3.276.092.106
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>319.545.374.070</b>	<b>319.928.693.635</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.750.763.082</b>	<b>2.044.860.374</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.750.763.082	2.044.860.374
- Nguyên giá	222		31.515.766.473	31.430.311.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.765.003.391)	(29.385.451.554)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.013.925.557	1.013.925.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.013.925.557)	(1.013.925.557)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>304.120.430.660</b>	<b>304.120.430.660</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(252.331.878.022)	(252.331.878.022)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.674.180.328</b>	<b>13.763.402.601</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	13.674.180.328	13.763.402.601
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.178.597.152.965</b>	<b>1.161.262.198.992</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>441.459.906.505</b>	<b>424.182.117.504</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>428.028.686.505</b>	<b>410.750.897.504</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	99.547.440.423	125.136.933.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	58.675.865.771	57.000.472.441
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.843.011.773	1.554.234.250
4. Phải trả người lao động	314		16.438.345.768	13.518.853.699
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	64.596.053.824	34.507.906.537
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	20.826.464.591	19.588.068.480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	147.333.763.382	140.639.957.125
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.575.074.500	2.791.681.500
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.192.666.473	16.012.789.882
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.431.220.000</b>	<b>13.431.220.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	13.431.220.000	13.431.220.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>737.137.246.460</b>	<b>737.080.081.488</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>737.137.246.460</b>	<b>737.080.081.488</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(17.718.180)	(17.718.180)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.273.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.881.964.640	187.097.799.668
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		182.067.799.668	182.067.476.939
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.814.164.972	5.030.322.729
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.178.597.152.965</b>	<b>1.161.262.198.992</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Đặng Quang Cường

Đỗ Chí Nguyễn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202.241.412.131	258.651.548.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	202.241.412.131	258.651.548.418
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	195.788.201.344	253.463.043.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.453.210.787	5.188.504.945
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.676.158.387	17.906.325.187
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.462.906.330	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.346.124.679	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.947.428.517	16.511.305.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2.719.034.327	6.583.524.993
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.099.173.873	1.415.422.367
12. Chi phí khác	32	6.6	4.043.228	227.389.814
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.095.130.645	1.188.032.553
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.814.164.972	7.771.557.546
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.814.164.972	7.771.557.546

Người lập biểu

Kế toán trưởng

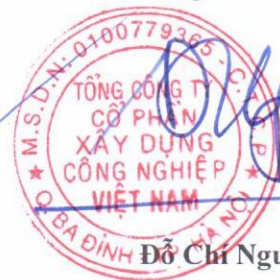
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hạnh



Đặng Quang Cường



Đỗ Chí Nguyễn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.814.164.972	7.771.557.546
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		379.551.837	271.139.538
- Các khoản dự phòng	03		(228.031.500)	(56.045.555)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.676.158.387)	(17.906.325.187)
- Chi phí lãi vay	06		6.346.124.679	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.364.348.399)	(9.919.673.658)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.316.944.041)	(171.831.164.989)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.129.727.030)	(61.721.392.205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.620.713.153	56.884.871.527
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		89.222.273	(87.820.375)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.346.124.679)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	728.032.683
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.577.123.409)	(3.054.297.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.024.332.132)	(189.001.444.979)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(85.454.545)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.400.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.127.611.386	2.714.590.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.442.156.841	2.714.590.019
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		141.390.365.200	200.897.964.579
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(134.696.558.943)	(44.977.535.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.693.806.257	155.920.429.069
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(25.888.369.034)	(30.366.425.891)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	43.646.024.251	44.676.245.321
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	17.757.655.217	14.309.819.430

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020: 550.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã giao dịch: VVN.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025: 130 người (Tại ngày 31/12/2024: 138 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

TT	Đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>I</b>	<b>Các Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất công nghiệp, xây dựng các công trình điện	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Hà Nội	Sản xuất công nghiệp, xây dựng các công trình điện	100%	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Hà Nội	Thi công xây lắp các công trình	100%	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm cơ khí	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker	100%	100%	100%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Hà Nội	Thi công xây lắp các công trình và cho thuê tài sản	52,15%	52,15%	52,15%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Hải Phòng	Chế tạo sản phẩm cơ khí và xây lắp công trình	71,42%	71,42%	71,42%
8	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp	51,00%	51,00%	51,00%
9	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Hà Nội	Xuất khẩu lao động	51,00%	51,00%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Tp. Hồ Chí Minh	Thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, bán đá xây dựng	51,00%	51,00%	51,00%
11	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Hà Nội	Đầu tư và khai thác khoáng sản	51,00%	51,00%	51,00%
12	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	An Giang	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp	50,69%	50,69%	50,69%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Tp. Hồ Chí Minh	Thi công xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
<b>II</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Hà Nội	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	27,37%	27,37%	27,37%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Hà Nội	Thi công xây lắp các công trình và cho thuê tài sản	36,00%	36,00%	36,00%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Thái Nguyên	Khai thác đá vôi	25,00%	25,00%	25,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng VINAINCON	Hà Nội	Xây dựng nhà không để ở	41,18%	41,18%	41,18%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Hải Phòng	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	20,00%	20,00%	20,00%
6	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Hà Nội	Xây dựng nhà các loại	27,99%	27,99%	27,99%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon (E & C)	Hà Nội	Thi công xây lắp	20,70%	20,70%	20,70%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Hà Nội	Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng	23,11%	23,11%	23,11%

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình trạng
Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - phường Ô Chợ Dừa - Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động
Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 Lý Tự Trọng - phường Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st. 206 + 211, Sangkat Vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia	Đang hoạt động
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - phường Ô Chợ Dừa - Hà Nội	Đang hoạt động
Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01 Tòa nhà số 23, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yagon, Myanmar	Đang hoạt động

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2025 là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do đó không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi của đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty: Báo cáo tài chính của Chi nhánh Myanmar và Chi nhánh Campuchia được lập bằng đơn vị tiền tệ là Myanmar Kyats (MMK) và đồng đô la Mỹ (USD) đã được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày lập báo cáo.
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh sau khi chuyển đổi Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”- Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (năm) của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý trang web, phần mềm mạng LAN, Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm văn phòng điện tử BKAV. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định vô hình được xác định trên cơ sở phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm:

	<b>Số năm</b>
Phần mềm kế toán	02
Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho	02
Phần mềm quản lý trang Web	03
Hệ thống mạng	03
Phần mềm văn phòng điện tử BKAV	03

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh tổng hợp của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hoá Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chưa thực hiện phân bổ do chưa hoàn thành thủ tục pháp lý liên quan.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay;
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành. Tổng Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong năm nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định và dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính theo tỷ % giá trị công trình được quy định tại từng hợp đồng thi công xây lắp.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố là nợ phải trả căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Hợp đồng xây dựng***

Doanh thu và chi phí từ hoạt động xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- (ii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

***Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	875.790.343	846.563.735
Tiền gửi ngân hàng	16.881.864.874	42.799.460.516
<b>Tổng</b>	<b>17.757.655.217</b>	<b>43.646.024.251</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2025 (VND)</b>		<b>01/01/2025 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>Tổng</b>	-	-	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>179.952.682.753</b>	<b>208.257.380.111</b>
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200
Công ty CP Archi Renco Hòa Bình	10.710.797.737	10.710.797.737
Công ty cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa	-	19.085.721.859
Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel	-	28.317.851.672
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	4.920.871.611	6.920.651.611
Công ty cổ phần An Phước	43.274.734.704	45.244.001.879
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	1.099.356.449	1.099.356.449
Công ty Cổ phần Nova E&C	1.345.368.048	1.345.368.048
Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH	25.068.546.285	12.986.290.721
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	20.656.439.185	11.133.470.115
Phải thu các đối tượng khác	45.685.513.534	44.222.814.820
<b>Tổng</b>	<b>179.952.682.753</b>	<b>208.257.380.111</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>21.019.410.455</b>	<b>11.496.441.385</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Kết cấu Thép xây dựng - Comess	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty Cổ phần XD và TM LEPRO Việt Nam	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	5.691.112.890	5.691.112.890
Công ty CP Tư vấn Phát triển năng lượng Index	2.953.514.061	2.953.514.061
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty CP Xây dựng Đắc Đạo	14.085.230.540	14.085.230.540
Công ty Cổ phần TĐH15	11.835.369.399	11.835.369.399
Các đối tượng khác	40.058.648.291	42.734.155.902
<b>Tổng</b>	<b>97.196.862.026</b>	<b>99.872.369.637</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>18.889.310.032</b>	<b>18.889.310.032</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>524.901.731.739</b>	<b>(6.852.956.266)</b>	<b>471.995.452.920</b>	<b>(6.852.956.266)</b>
Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
Tạm ứng	15.035.226.136	-	14.923.824.223	-
Phải thu khác	509.754.005.603	(6.852.956.266)	456.959.128.697	(6.852.956.266)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (i)	438.856.250.060	-	409.987.614.586	-
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất (ii)	13.844.892.847	(4.153.467.854)	13.844.892.847	(4.153.467.854)
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất (ii)	7.358.346.770	-	7.358.346.770	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (iii)	7.709.828.891	-	7.059.425.997	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức (iii)	7.286.453.900	-	5.996.620.200	-
+ Các đối tượng khác	34.698.233.135	(2.699.488.412)	12.712.228.297	(2.699.488.412)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>524.901.731.739</b>	<b>(6.852.956.266)</b>	<b>471.995.452.920</b>	<b>(6.852.956.266)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>487.734.611.091</i>	<i>(4.153.467.854)</i>	<i>454.698.348.671</i>	<i>(4.153.467.854)</i>

(i) Chủ yếu là khoản Tổng Công ty trả nợ thay cho Công ty Xi măng Quang Sơn khoản nợ gốc vay dài hạn Ngân hàng BNP Paribas, lãi vay để đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên và các chi phí hỗ trợ khác.

(ii) Tổng Công ty thanh toán cho các nhà cung cấp của Công ty con.

(iii) Các khoản phải thu về cổ tức, lợi nhuận và phải thu khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	92.316.019.734	9.691.424.993	92.327.444.234	9.691.424.993
<b>Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>30/06/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	(27.191.055.200)	27.191.055.200	(27.191.055.200)
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	(4.102.173.574)	4.102.173.574	(4.102.173.574)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Anh	3.022.433.220	(3.022.433.220)	3.022.433.220	(3.022.433.220)
Công ty TNHH Lavimont VN	2.778.463.119	(2.778.463.119)	2.778.463.119	(2.778.463.119)
Công ty CP XD và TM LEPRO Việt Nam	2.250.182.909	(2.250.182.909)	2.250.182.909	(2.250.182.909)
Công ty TNHH Công nghiệp Hoàng Sơn	8.899.267.173	(8.899.267.173)	8.899.267.173	(8.899.267.173)
Công ty CP Thép Thái Bình	2.564.880.468	(2.564.880.468)	2.564.880.468	(2.564.880.468)
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	5.573.801.187	(5.573.801.187)	5.573.801.187	(5.573.801.187)
Công ty CP kết cấu Thép xây dựng - COMESS	8.485.617.811	(8.485.617.811)	8.485.617.811	(8.485.617.811)
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất CCIM	13.844.892.847	(4.153.467.854)	13.844.892.847	(4.153.467.854)
Các đối tượng khác	13.603.252.226	(13.603.252.226)	13.614.676.726	(13.614.676.726)
<b>Tổng</b>	<b>92.316.019.734</b>	<b>(82.624.594.741)</b>	<b>92.327.444.234</b>	<b>(82.636.019.241)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.437.525.834	(313.403.692)	12.197.066.782	(313.403.692)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	117.118.015.387	(11.829.205.869)	89.228.747.409	(11.829.205.869)
<b>Tổng</b>	<b>125.555.541.221</b>	<b>(12.142.609.561)</b>	<b>101.425.814.191</b>	<b>(12.142.609.561)</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình Nhà máy Gang thép Thái Nguyên - Giai đoạn 2	11.836.428.088	(11.829.205.869)	11.829.205.869	(11.829.205.869)
KN Cam Ranh phân kỳ 21, 22	23.597.251.430	-	22.117.984.705	-
Dự án Metro số 2 Bến Thành - Tham Lương	11.204.082.891	-	8.475.373.356	-
KN Cam Ranh phân kỳ 15	8.264.824.084	-	6.967.622.665	-
Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Lâm Sơn	2.679.736.325	-	2.679.736.325	-
Khu Đô thị Aqua City	4.730.070.900	-	4.730.070.900	-
Nhà máy điện khí LNG Hiệp Phước	16.768.419.980	-	14.613.220.069	-
Đường dây 110KV Phú Quốc - Nam Phú Quốc	19.033.573.165	-	9.649.747.734	-
Dự án trạm BTS cho thuê	5.639.315.640	-	-	-
Các công trình, dự án khác	13.364.312.884	-	8.165.785.786	-
<b>Tổng</b>	<b>117.118.015.387</b>	<b>(11.829.205.869)</b>	<b>89.228.747.409</b>	<b>(11.829.205.869)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	20.631.022.733	525.446.373	9.545.884.304	727.958.518	31.430.311.928
Tăng trong kỳ	-	85.454.545	-	-	85.454.545
Mua trong kỳ	-	85.454.545	-	-	85.454.545
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	20.631.022.733	610.900.918	9.545.884.304	727.958.518	31.515.766.473
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	20.609.619.993	411.238.720	7.752.425.373	612.167.468	29.385.451.554
Tăng trong kỳ	13.950.000	19.148.306	290.706.402	55.747.129	379.551.837
Khấu hao trong kỳ	13.950.000	19.148.306	290.706.402	55.747.129	379.551.837
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	20.623.569.993	430.387.026	8.043.131.775	667.914.597	29.765.003.391
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	21.402.740	114.207.653	1.793.458.931	115.791.050	2.044.860.374
Tại 30/6/2025	7.452.740	180.513.892	1.502.752.529	60.043.921	1.750.763.082

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn đang sử dụng tại ngày 30/6/2025: 27.320.702.202 đồng (tại ngày 31/12/2024: 18.313.952.538 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 0 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 0 đồng).

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm quản lý	Hệ thống mạng	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	778.925.557	235.000.000	1.013.925.557
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	778.925.557	235.000.000	1.013.925.557
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	778.925.557	235.000.000	1.013.925.557
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	778.925.557	235.000.000	1.013.925.557
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	-	-	-
Tại 30/6/2025	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn đang sử dụng tại ngày 30/6/2025: 1.013.925.557 đồng (tại ngày 31/12/2024: 1.013.925.557 đồng).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Mẫu số B 09a- DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>473.305.672.855</b>	<b>(232.013.642.449)</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(232.013.642.449)</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	100%	100%	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	100%	100%	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	100%	100%	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	100%	100%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	100%	100%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	200.000.000.000	(200.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	52,15%	52,15%	24.386.208.045	(14.334.308.294)	24.386.208.045	(14.334.308.294)
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất	71,42%	71,42%	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(4.024.058.696)
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	51,00%	51,00%	38.035.530.934	-	38.035.530.934	-
Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	51,00%	51,00%	2.792.888.482	(486.862.729)	2.792.888.482	(486.862.729)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	12.201.283.784	-	12.201.283.784	-
Công ty CP ĐT và Khoáng sản Vinaincon	51,00%	51,00%	4.547.145.641	(1.335.164.074)	4.547.145.641	(1.335.164.074)
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	50,69%	50,69%	15.278.557.273	-	15.278.557.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	51,00%	51,00%	2.040.000.000	(1.833.248.656)	2.040.000.000	(1.833.248.656)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			<b>54.263.592.152</b>	<b>(9.016.467.441)</b>	<b>54.263.592.152</b>	<b>(9.016.467.441)</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	27,37%	27,37%	6.634.922.757	-	6.634.922.757	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	36,00%	36,00%	14.300.768.318	-	14.300.768.318	-
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	25,00%	25,00%	2.730.001.416	(569.134.255)	2.730.001.416	(569.134.255)
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng VINAINCON	41,18%	41,18%	742.806.389	(500.665.396)	742.806.389	(500.665.396)
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	20,00%	20,00%	8.010.131.008	(7.946.667.790)	8.010.131.008	(7.946.667.790)
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	27,99%	27,99%	2.428.000.000	-	2.428.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	20,70%	20,70%	6.208.620.000	-	6.208.620.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng Comess	23,11%	23,11%	13.208.342.264	-	13.208.342.264	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ	30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn giữ năm	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				<b>28.883.043.675</b>		<b>(11.301.768.132)</b>	<b>(11.301.768.132)</b>
Công ty CP Lắp máy và Xây dựng Miền Nam	8,57%	8,57%		779.612.900		(543.980.185)	(543.980.185)
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	8,45%	8,45%		4.123.185.470		-	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp	1,60%	1,60%		10.032.000.000		(10.032.000.000)	(10.032.000.000)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và dân dụng	7,48%	7,48%		899.972.230		-	-
Công ty Cổ phần Bạo bì Sông Công	18,99%	18,99%		2.100.925.000		(725.787.947)	(725.787.947)
Công ty CP Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	10,35%	10,35%		2.086.292.176		-	-
Tổng Công ty điện lực KTV-CTCP	0,078%	0,078%		8.861.055.899		-	-
<b>Tổng</b>				<b>556.452.308.682</b>	<b>(i)</b>	<b>(252.331.878.022)</b>	<b>(252.331.878.022)</b>

(i) Tổng Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.11 Chi phí trả trước**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>13.674.180.328</b>	<b>13.763.402.601</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	272.960.328	362.182.601
Giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa (i)	13.401.220.000	13.401.220.000
<b>Tổng</b>	<b>13.674.180.328</b>	<b>13.763.402.601</b>

(i): Quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khoản này đang được ghi nhận là chi phí trả trước tương ứng với khoản phải trả khác (xem Thuyết minh số 5.16).

**5.12 Phải trả người bán**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>99.547.440.423</b>	<b>99.547.440.423</b>	<b>125.136.933.590</b>	<b>125.136.933.590</b>
Công ty CP Thép GSB	1.031.784.600	1.031.784.600	1.031.784.600	1.031.784.600
Công ty Cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty TNHH NNB Việt Nam	6.534.966.405	6.534.966.405	6.534.966.405	6.534.966.405
Công ty TNHH 1TV Xây lắp Điện 2	21.069.278.531	21.069.278.531	12.129.632.240	12.129.632.240
Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức	-	-	11.176.000.000	11.176.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	5.190.987.300	5.190.987.300	5.190.987.300	5.190.987.300
Công ty CP Cơ khí xây lắp Hóa chất	2.614.811.001	2.614.811.001	2.614.811.001	2.614.811.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương Mại Tín Hiếu	2.707.775.537	2.707.775.537	3.007.775.537	3.007.775.537
Công ty cổ phần Việt Vương	6.216.284.345	6.216.284.345	14.773.999.791	14.773.999.791
Các đối tượng khác	43.681.768.704	43.681.768.704	58.177.192.716	58.177.192.716
<b>Tổng</b>	<b>99.547.440.423</b>	<b>99.547.440.423</b>	<b>125.136.933.590</b>	<b>125.136.933.590</b>

Trong đó:

**Phải trả các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

29.211.409.712	29.211.409.712	20.271.763.421	20.271.763.421
----------------	----------------	----------------	----------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban quản lý đường sắt đô thị	23.754.330.732	21.001.235.646
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - TCT truyền tải điện Quốc gia	4.814.845.734	4.814.845.734
Công ty TNHH Hải Linh	8.730.278.337	3.730.278.337
CN Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH- BQLDA Điện lực Miền Nam	17.050.951.618	18.509.942.801
Các đối tượng khác	4.325.459.350	8.944.169.923
<b>Tổng</b>	<b>58.675.865.771</b>	<b>57.000.472.441</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

		<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	
	<b>01/01/2025</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>30/6/2025</b>
<b>Phải nộp</b>	<b>1.554.234.250</b>	<b>910.579.838</b>	<b>621.802.315</b>	<b>1.843.011.773</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	783.065.008	485.502.652	297.562.356
Thuế thu nhập cá nhân	28.927.996	123.514.830	132.299.663	20.143.163
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.525.306.254	4.000.000	4.000.000	1.525.306.254
<b>Phải thu</b>	<b>3.276.092.106</b>	<b>2.415.088</b>	<b>354.456.114</b>	<b>3.628.133.132</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.629.534.496	-	354.456.114	1.983.990.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	825.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	317.171.595	2.415.088	-	314.756.507
Các khoản nộp tại nước ngoài	504.386.015	-	-	504.386.015

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí công trình xây dựng	63.985.522.917	33.482.933.744
- DA nâng cấp HT điều khiển bảo vệ TBA 500KV Miền Trung	10.596.990.381	11.466.605.103
- DA nâng cấp HT điều khiển bảo vệ TBA 500KV và 220KV Miền Bắc	1.465.609.809	1.481.689.809
- Dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng và giải trí KN Paradise Cam Ranh (Phân kỳ 21, 22)	16.620.423.050	-
- DA Lọc hóa dầu Long Sơn	2.022.778.263	2.022.778.263
- DA Nhà máy điện khí LNG Hiệp Phước	1.615.314.270	1.615.314.270
- Hợp đồng cung cấp và thi công cọc bê tông Delta	1.556.243.071	1.556.243.071
- DA đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024 - Gói 21	4.954.977.380	4.954.977.380
- Dự án Trạm 110kV Thanh Bình	11.062.105.597	-
- Dự án, công trình khác	14.091.081.096	10.385.325.848
Chi phí phải trả khác	610.530.907	1.024.972.793
<b>Tổng</b>	<b>64.596.053.824</b>	<b>34.507.906.537</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.16 Phải trả khác**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.826.464.591</b>	<b>19.588.068.480</b>
Kinh phí công đoàn	566.948.099	558.762.175
Bảo hiểm xã hội	457.859.762	78.465.810
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.000.000	75.000.000
Bảo hiểm y tế	72.335.430	18.892.710
Bảo hiểm thất nghiệp	32.149.080	8.396.760
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.587.172.220	18.848.551.025
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất (i)</i>	<i>8.955.861.916</i>	<i>8.955.861.916</i>
<i>Cổ tức và lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu</i>	<i>1.717.262.985</i>	<i>1.717.262.985</i>
<i>Khoản vay phải trả CBNV</i>	<i>3.422.264.548</i>	<i>3.422.264.548</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>5.491.782.771</i>	<i>4.753.161.576</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>13.431.220.000</b>	<b>13.431.220.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Phải trả dài hạn khác	13.401.220.000	13.401.220.000
<i>Phải nộp về quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (ii)</i>	<i>13.401.220.000</i>	<i>13.401.220.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>34.257.684.591</b>	<b>33.019.288.480</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.955.861.916</b>	<b>8.955.861.916</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

- (i) Phải trả liên quan đến bù đắp cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (ii) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội phải nộp theo Phương án cổ phần hóa (xem thuyết minh số 5.11).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

30/6/2025		Trong kỳ		01/01/2025
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
147.333.763.382	147.333.763.382	141.390.365.200	134.696.558.943	140.639.957.125
147.333.763.382	147.333.763.382	141.390.365.200	134.696.558.943	140.639.957.125
147.333.763.382	147.333.763.382	141.390.365.200	134.696.558.943	140.639.957.125
Tổng				

Đơn vị tính: VND

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/534/HDTD ngày 22/11/2024. Hạn mức cấp tín dụng: 600 tỷ đồng (trong đó dư nợ tín dụng L/C và bảo lãnh thanh toán tối đa không quá 250 tỷ đồng), mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động, mở LC, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 31/10/2025. Tài sản đảm bảo: Tài sản trên đất tại địa chỉ: Tòa nhà Vinaincon số 5 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	550.000.000.000	(109.200.969)	-	183.637.667.848	733.528.466.879
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.030.322.729	5.030.322.729
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.568.000.000)	(1.568.000.000)
Tăng, giảm khác	-	-	-	(2.190.909)	(2.190.909)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi		91.482.789	-	-	91.482.789
Số dư tại 31/12/2024	550.000.000.000	(17.718.180)	-	187.097.799.668	737.080.081.488
Số dư tại 01/01/2025	550.000.000.000	(17.718.180)	-	187.097.799.668	737.080.081.488
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.814.164.972	3.814.164.972
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	1.273.000.000	(1.273.000.000)	-
Thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(206.000.000)	(206.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.551.000.000)	(3.551.000.000)
Số dư tại 30/6/2025	550.000.000.000	(17.718.180)	1.273.000.000	185.881.964.640	737.137.246.460

(i): Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 1.273.000.000 đồng;
- + Trích Thưởng Ban điều hành: 206.000.000 đồng;
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.551.000.000 đồng;
- + Chia cổ tức: Không chia cổ tức.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của Nhà nước (Đại diện Bộ Công thương)	455.125.000.000	455.125.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	94.875.000.000	94.875.000.000
<b>Tổng</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	202.200.503.040	258.612.677.018
Doanh thu hoạt động khác	40.909.091	38.871.400
<b>Tổng</b>	<b>202.241.412.131</b>	<b>258.651.548.418</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
Giảm trừ doanh thu hoạt động xây lắp	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	202.200.503.040	258.612.677.018
Doanh thu hoạt động khác	40.909.091	38.871.400
<b>Tổng</b>	<b>202.241.412.131</b>	<b>258.651.548.418</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i>	<i>36.831.221.796</i>	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	195.788.201.344	253.422.267.528
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(50.061.755)
Giá vốn hoạt động khác	-	90.837.700
<b>Tổng</b>	<b>195.788.201.344</b>	<b>253.463.043.473</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.569.268.130	5.238.022.862
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.106.890.257	12.668.302.325
<b>Tổng</b>	<b>19.676.158.387</b>	<b>17.906.325.187</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.326.337.601</i>	<i>17.675.415.368</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	6.346.124.679	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	116.781.651	-
<b>Tổng</b>	<b>6.462.906.330</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.947.428.517</b>	<b>16.511.305.139</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.863.584.276	11.654.697.861
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	163.331.448	225.719.453
Chi phí khấu hao TSCĐ	350.790.733	239.822.870
Thuế phí và lệ phí	128.004.125	94.025.501
Chi phí dự phòng	(11.424.500)	(5.983.800)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.846.930	1.440.288.823
Chi phí bằng tiền khác	1.475.295.505	2.862.734.431
<b>Tổng</b>	<b>16.947.428.517</b>	<b>16.511.305.139</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Cho thuê văn phòng	1.082.290.909	707.927.270
Lãi nhận được theo Quyết định thi hành án	-	662.932.682
Thu nhập khác	16.882.964	44.562.415
<b>Tổng</b>	<b>1.099.173.873</b>	<b>1.415.422.367</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	106.749.394
Phí thi hành án		101.890.420
Chi phí khác	4.043.228	18.750.000
<b>Tổng</b>	<b>4.043.228</b>	<b>227.389.814</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>1.095.130.645</b>	<b>1.188.032.553</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Thu nhập với các bên liên quan:</b>	<b>801.272.724</b>	<b>429.545.454</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>3.814.164.972</b>	<b>7.771.557.546</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	14.106.890.257	12.668.302.325
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>14.106.890.257</i>	<i>12.668.302.325</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(10.292.725.285)</b>	<b>(4.896.744.779)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.728.643.183	237.464.185.275
Chi phí nhân công	29.864.972.275	14.818.884.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.551.837	271.139.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.463.618.921	63.894.062.495
Chi phí khác bằng tiền	4.990.990.862	11.769.265.184
<b>Tổng</b>	<b>344.427.777.078</b>	<b>328.217.536.867</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Tổng Công ty

**Bên liên quan**

Các bên liên quan khác là các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại mục 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác, các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên và các tổ chức có liên quan các thành viên này

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể

Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a) Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Lương và thù lao	1.388.563.000	1.133.595.000
<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>
<b>Lương, thù lao HĐQT</b>		<b>456.060.000</b>	<b>315.015.000</b>
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	214.806.000	214.806.000
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	48.000.000	28.000.000
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Vương Khả Hải	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Thành viên HĐQT	145.254.000	24.209.000
<b>Lương Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>634.999.000</b>	<b>523.484.000</b>
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc	205.624.000	204.624.000
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc	138.004.000	140.304.000
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	153.367.000	155.997.000
Ông Vương Khả Hải	Phó Tổng Giám đốc	138.004.000	22.559.000
<b>Lương Kế toán trưởng</b>		<b>142.102.000</b>	<b>141.474.000</b>
Ông Đặng Quang Cường	Kế toán trưởng	142.102.000	141.474.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		<b>155.402.000</b>	<b>153.622.000</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát	131.402.000	129.622.000
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Đình Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	-	10.000.000
Ông Phạm Hùng	Thành viên	12.000.000	2.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Bán hàng</b>			<b>37.632.494.520</b>	<b>429.545.454</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	Cho thuê văn phòng	651.600.000	429.545.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinaincon 6	Công ty con	Thuê văn phòng	149.672.724	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Công ty con	Khối lượng xây lắp	36.831.221.796	-
<b>Mua hàng</b>			<b>36.291.108.112</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Công ty con	Giá trị xây lắp	36.291.108.112	-
<b>Cổ tức, lãi cho vay</b>			<b>19.326.337.601</b>	<b>17.675.415.368</b>
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	5.412.865.500	5.412.865.500
Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	2.289.833.700	2.289.833.700
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	650.402.894	893.930.159
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	3.619.485.163	1.965.130.566
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Lãi cho vay	5.484.888.344	5.219.465.843
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng Comes	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	1.248.000.000	1.248.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	-	149.500.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	620.862.000	496.689.600
<b>Giao dịch khác</b>			<b>29.351.099.403</b>	<b>22.490.470.655</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Chi hệ gốc vay ngân hàng	28.550.000.000	22.207.417.315
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Các khoản khác	520.722.643	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Chi hệ lương nhân viên biệt phái	280.376.760	283.053.340

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>21.019.410.455</b>	<b>11.496.441.385</b>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	362.971.270	362.971.270
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Công ty con	20.656.439.185	11.133.470.115
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>18.889.310.032</b>	<b>18.889.310.032</b>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng - Comess	Công ty liên kết	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	5.691.112.890	5.691.112.890
<b>Phải thu khác</b>		<b>487.734.611.091</b>	<b>454.698.348.671</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	438.856.250.060	409.987.614.586
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con	7.358.346.770	7.358.346.770
Công ty CP XNK Hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam	Công ty con	173.100.000	173.100.000
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Công ty con	161.566.205	161.566.205
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	7.709.828.891	7.059.425.997
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	3.619.485.163	-
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty con	627.090.984	627.090.984
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con	688.500.000	688.500.000
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất	Công ty con	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	7.286.453.900	5.996.620.200
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	2.435.731.909	2.435.731.909
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	498.250.586	498.250.586
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết	432.000.000	432.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng - Comess	Công ty liên kết	1.248.000.000	-
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết	575.000.000	575.000.000
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Công ty liên kết	466.097.346	466.097.346
Công ty CP Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	187.914.830	187.914.830
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	1.566.101.600	4.206.196.411
<b>Phải trả người bán</b>		<b>29.211.409.712</b>	<b>20.271.763.421</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết	5.805.779	5.805.779
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	330.527.101	330.527.101
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Công ty con	2.614.811.001	2.614.811.001
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	5.190.987.300	5.190.987.300
Công ty TNHH ITV Xây lắp Điện 2	Công ty con	21.069.278.531	12.129.632.240
<b>Phải trả khác</b>		<b>8.955.861.916</b>	<b>8.955.861.916</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con	8.955.861.916	8.955.861.916



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
Tòa nhà Vinaincon, Số 5 đường Láng Hạ,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn